

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2026/DS-ST

Ngày: 24-6-2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trầm**.

2. Ông **Nguyễn Văn Vẹn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Đoàn Trang**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 04 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 252/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1);**

Trụ sở chính: H L, phường Đ, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành T** - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân, theo Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/07/2025 của ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V2 - V1.

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, số I C, phường B, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

+ Bà **Trần Thị Ái H**, chức vụ Trưởng Bộ phận xử lý nợ

- + Ông **Đào Thái T1**, chức vụ Cán bộ xử lý nợ
- + Bà **Lê Thị Phương T2**, chức vụ Cán bộ xử lý nợ
- + Ông **Triệu Trọng K**, chức vụ Cán bộ xử lý nợ

Cùng địa chỉ liên hệ: số 1 A, H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông **Cao Nhật T3**, sinh năm: 1990; Căn cước công dân số: 082090003317 cấp ngày 16/10/2022;

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số E Đ, khu phố F, phường I, thành phố M, Tiền Giang (Nay là 5 Đ, khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm: 1995; Căn cước công dân số: 079195007788 cấp ngày 19/01/2022

Địa chỉ thường trú: C10/294 Tổ A, ấp C, xã T, huyện B, TP . (Nay là C10/294 Tổ 10, ấp C, xã T, TP .)

(có mặt ông K, vắng mặt ông T3 và bà Y)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/10/2025 và quá trình giải quyết nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP V có ký với ông Cao Nhật T3 các hợp đồng có nội dung như sau:

1. Hợp đồng cho vay số: LN2501164822452 ký ngày 12/02/2025 với nội dung như sau:

Số tiền cho vay: 192.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu đồng);

Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu VINFAST, VF3 (không kèm pin), Động cơ điện, AT, (không kèm pin) sản xuất mới 100%;

Thời hạn cho vay: 96 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9.6%/năm; Lãi suất cho vay được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần với biên độ cộng (+) 3.3%/năm; Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 24/6/2026 theo hợp đồng cho vay trên là:

Nợ gốc: 171,903,000 đồng; Nợ lãi: 28,021,359 đồng. Tổng cộng : 199,924,359 đồng.

2. Hợp đồng cho vay số: LD2413702024 ký ngày 13/05/2024 với nội dung như sau:

Số tiền cho vay: 80.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng);

Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn cho vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay: 29.9%/năm; Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 24/6/2026 theo hợp đồng cho vay trên là:

Nợ gốc: 56,303,253 đồng; Nợ lãi: 23,283,618 đồng. Tổng cộng : 79,586,871 đồng

3. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 12/02/2025 với nội dung như sau:

Hạn mức cho vay ban đầu: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng); hạn mức được tăng thêm trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng 20.000.000 đồng. Tổng hạn mức cho vay là 120.000.000 đồng

Lãi suất cho vay: 39.48%/năm;

Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 24/6/2026 theo hợp đồng cho vay trên là:

Nợ gốc: 119,998,560 đồng; Nợ lãi: 54.491.386 đồng. Tổng cộng: 174,489,946 đồng.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng cho vay trên là:

Xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, VF3 (không kèm pin), Động cơ điện, AT; Biển số Số máy đăng ký 63A-325.93; Số khung RLNVBL9K9SH706908; TZ160X30G24121800321; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 15/02/2025, thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông: Cao Nhật T3.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông Cao Nhật T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/08/2025 đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ, do đó V1 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng cho vay trên, đồng thời tiến hành khởi kiện đương sự tại Toà án nhân dân có thẩm quyền để phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu:

1. Buộc ông Cao Nhật T3 phải trả ngay một lần, toàn bộ số tiền cho V1 tạm tính đến ngày 24/6/2026 tổng cộng là:

Nợ gốc: 348,204,813 đồng; Nợ lãi: 105,796,363 đồng. Tổng cộng : 454,001,176 đồng.

2. Ông T3 còn phải chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 25/6/2026 cho đến khi trả hết nợ vay.

3. Trường hợp ông T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Cao Nhật T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay.

* Tại phiên tòa:

- Ông K đại diện ngân hàng là nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông T3 và bà Y vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 buộc ông Cao Nhật T4 phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký: Nợ gốc là 348,204,813 đồng, nợ lãi tính đến ngày 24/6/2026 là 105.796.363 đồng. Tổng cộng 454.001.176 đồng. Tiếp tục tính lãi từ 25/6/2026 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông T3 không thanh toán trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký. Trường hợp tài sản phát mãi không đủ để thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng thì ông T3 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu. Về án phí: Ông T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ vay, kê biên tài sản thế chấp nếu không thanh toán tiền vay và bị đơn đang cư trú tại phường M, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về số tiền nợ: Phía nguyên đơn cung cấp các tài liệu liên quan đến khoản vay của ông T3 bao gồm các hợp đồng cho vay số LN2501164822452 ký ngày 12/02/2025; LD2413702024 ký ngày 13/05/2024 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 12/02/2025. Trên các hợp đồng này Ngân hàng đã giải ngân cho ông T3 các khoản vay. Quá trình vay ông T3 có thanh toán được một phần tiền nợ. Tính đến ngày 24/6/2026 thì ông T3 còn nợ ngân hàng với số tiền dư nợ gốc là 348.204.813 đồng và lãi 105.796.363 đồng, tổng cộng là 454.001.176 đồng. Bị đơn ông T3 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông T3 vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện bị đơn từ bỏ quyền lợi của mình và không phản đối tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nên nguyên đơn không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền yêu cầu thanh toán nợ và bị đơn có nghĩa vụ trả tiền theo Điều 280 và Điều 351, Điều 466 của Bộ luật dân sự, Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trả số tiền nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ là phù hợp theo Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản thế chấp: Xem xét đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc trường hợp ông T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng có quyền: phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số: LN2501164822452 ngày 12/02/2025 để thu hồi nợ thì thấy: Ngoài Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông T3 thì ông T3 còn ký kết Hợp đồng thế chấp số: LN2501164822452 ngày 12/02/2025, theo đó ông T3 dùng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, VF3 (không kèm pin), Động cơ điện, AT; Biển số Số máy đăng ký 63A-325.93; Số khung RLNVBL9K9SH706908; TZ160X30G24121800321; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 15/02/2025. Đây là tài sản ông T3 mua trong thời kỳ hôn nhân và dùng tài sản vay để mua thể hiện tại hợp đồng tín dụng. Tại hợp đồng thế chấp có vợ ông T3 là bà Kim Y ký tên, điều này thể hiện bà Y đồng ý cho ông T3 sử dụng tài sản chung để thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng ký kết với Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký bảo đảm theo quy định. Do đó, hợp đồng thế chấp đã phát sinh hiệu lực. Đến nay, ông T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên trong trường hợp ông T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp.

[3.4] Về tiếp tục nghĩa vụ trả nợ:

Hội đồng xét xử thấy rằng tại điểm ii khoản 2 Điều 7 của hợp đồng thế chấp thể hiện “Nghĩa vụ của bên thế chấp tiếp tục trả nợ cho bên Ngân hàng bằng các nguồn tài chính khác nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng”. Thỏa thuận của các bên không trái quy định pháp luật, do đó Ngân hàng yêu cầu ông T3 tiếp tục thanh toán nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

- Buộc ông Cao Nhật T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V theo hợp đồng tín dụng LN2501164822452 ký ngày 12/02/2025; LD2413702024 ký ngày 13/05/2024 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 12/02/2025 tổng số tiền như sau:

+ Dự nợ gốc: 348.204.813 đồng.

+ Lãi tính đến ngày 24/6/2026: 105.796.363 đồng.

Tổng cộng **454.001.176** đồng (Bốn trăm năm mươi bốn triệu không trăm lẻ một nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng).

- Sau ngày 24/6/2026, ông Cao Nhật T3 tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

- Trường hợp ông T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN2501164822452 ngày 12/02/2025 đối với tài sản là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, VF3 (không kèm pin), Động cơ điện, AT; Biển số Số máy đăng ký 63A-325.93; Số khung RLNVBL9K9SH706908; TZ160X30G24121800321; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 15/02/2025 cho ông Cao Nhật T3 đứng tên.

- Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán thì ông Cao Nhật T3 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V.

2. Về án phí:

- Ông Cao Nhật T3 phải chịu 22.160.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại Ngân hàng TMCP V 9.729.000 đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007228 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Thị Thanh Tuyền

